



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG
VIỆT NAM**
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán*





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 652/2012/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 08 tháng 05 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2011. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này;
- Tại Ban điều hành Vũng Áng, Ban điều hành Đà Nẵng và Trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng: Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Tại Ban điều hành Đà Nẵng còn có một số khoản công nợ đã xác nhận nhưng còn chênh lệch với sổ sách kế toán. Với những tài liệu hiện có chúng tôi không thể khẳng định được tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục này;
- Tại thời điểm 31/12/2011, đơn vị chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi và chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính;
- Tại trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng: Theo ý kiến của Ban giám hiệu nhà trường do Tổng công ty đang thực hiện triển khai đề án Tái cấu trúc doanh nghiệp, căn cứ chủ trương đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và định hướng của Bộ Xây dựng về việc sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp, các trường đào tạo, Tổng công ty cổ phần Sông Hồng đang báo cáo Tập đoàn Sông Đà đề nghị chuyển Trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng về Tập đoàn Sông Đà để tập trung đầu mối quản lý, hoặc đề nghị chuyển về Bộ Xây dựng quản lý. Vì vậy, một số tài sản cố định hình thành từ nguồn Kinh phí sự nghiệp đã được chuyển sang nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp; do các tài sản này chủ yếu phục vụ cho hoạt động đào tạo bằng nguồn Kinh phí được cấp, Trường chưa trích khấu hao tài sản cố định từ thời điểm cổ phần hóa đến 31/12/2011.

- Công trình nhà thi đấu Đà Nẵng đã được Ban Quản lý dự án xây dựng Thành phố Đà Nẵng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 29/06/2011. Tuy nhiên do tiến độ hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán chậm, do đó chưa ghi nhận doanh thu đối với phần khối lượng xây lắp hoàn thành chưa được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán ước tính là 67.518.213.000 VND.
- Năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng ghi nhận doanh thu từ dự án nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 là 50 tỷ đồng, doanh thu đã ghi nhận lũy kế đến thời điểm 31/12/2011 là 90 tỷ đồng theo tờ trình số 791/Ttr - BQLTH ngày 31/12/2010 của Ban Quản lý Dự án Thái Hà, lợi nhuận của dự án khoảng 681 tỷ đồng, tương ứng với 20% vốn góp thì phần lợi nhuận của Tổng Công ty khoảng 136 tỷ đồng.

Ý kiến của kiểm toán viên

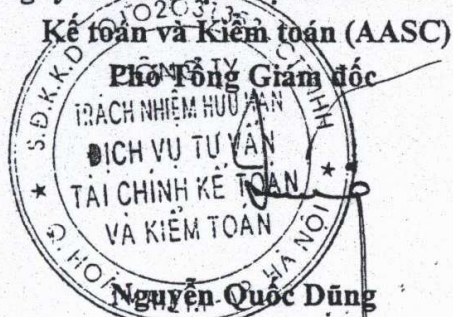
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán đã được phát hành số 652/2012/BC.KTTC - AASC- KT1 ngày 07 tháng 05 năm 2012 do điều chỉnh khấu hao tài sản cố định, số tiền là 1.947.447.877 VND.

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Lê Văn Tùng

Chứng chỉ KTV số: 1479/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.148.912.026.358	1.450.782.778.172
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	37.817.327.626	187.270.224.493
111 1. Tiền		37.817.327.626	184.270.224.493
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		793.022.968.151	836.205.847.602
131 1. Phải thu khách hàng		259.754.465.105	380.841.909.804
132 2. Trả trước cho người bán		387.141.564.801	225.495.001.840
135 5. Các khoản phải thu khác	4	157.597.545.499	241.713.453.583
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(11.470.607.254)	(11.844.517.625)
140 IV. Hàng tồn kho	6	266.026.084.641	357.878.607.116
141 1. Hàng tồn kho		266.026.084.641	357.878.607.116
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		52.045.645.940	69.428.098.961
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	43.628.774	38.065.172
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.660.363.075	21.834.552.894
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	35.341.654.091	47.555.480.895
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		530.717.680.584	500.908.726.208
220 II. Tài sản cố định		134.885.736.768	113.826.660.013
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	80.690.084.697	70.416.345.723
222 - Nguyên giá		110.823.189.377	94.563.944.458
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(30.133.104.680)	(24.147.598.735)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	36.042.262.500	36.046.012.500
228 - Nguyên giá		36.048.200.000	36.048.200.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.937.500)	(2.187.500)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	18.153.389.571	7.364.301.790
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	346.095.658.800	317.971.259.529
251 1. Đầu tư vào công ty con		165.234.665.512	173.495.261.030
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		81.062.901.268	87.522.996.038
258 3. Đầu tư dài hạn khác		99.798.092.020	56.953.002.461
260 V. Tài sản dài hạn khác		49.736.285.016	69.110.806.666
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	49.736.285.016	60.681.597.166
268 3. Tài sản dài hạn khác		-	8.429.209.500
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.679.629.706.942	1.951.691.504.380

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		1.282.682.568.640	1.608.188.993.383
310 I. Nợ ngắn hạn		1.249.920.904.223	1.579.586.701.961
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	14	238.141.077.287	343.088.546.458
312 2. Phải trả người bán		242.970.368.681	183.988.455.407
313 3. Người mua trả tiền trước		406.324.679.587	642.798.876.389
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.582.976.022	21.762.890.061
315 5. Phải trả người lao động		4.295.340.484	6.510.958.622
316 6. Chi phí phải trả	16	114.961.733.482	156.300.631.939
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	227.393.201.865	225.136.343.085
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.251.526.815	-
330 II. Nợ dài hạn		32.761.664.417	28.602.291.422
331 1. Phải trả dài hạn người bán		44.000.000	-
333 3. Phải trả dài hạn khác	18	3.402.155.360	-
334 4. Vay và nợ dài hạn	19	29.288.298.054	28.590.719.900
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		27.211.003	11.571.522
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		396.947.138.302	343.502.510.997
410 I. Vốn chủ sở hữu	20	396.536.796.171	343.082.772.597
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		270.000.000.000	270.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		22.519.497.214	22.519.497.214
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		3.969.156	1.515.292
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		7.584.389.033	-
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		5.056.173.629	-
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.528.086.815	-
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		88.844.680.324	50.561.760.091
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		410.342.131	419.738.400
432 2. Nguồn kinh phí		10.342.131	19.738.400
433 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		400.000.000	400.000.000
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.679.629.706.942	1.951.691.504.380

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
----------	----------------	----------------	------------	------------

5. Ngoại tệ các loại
- Đô la Mỹ

USD

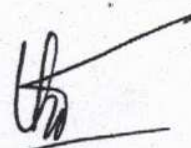
818,09


Phùng Minh Bằng
Kế toán trưởng
Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2012


Đặng Tiến Phong
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.369.733.516.595
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.369.733.516.595
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.314.165.890.754
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.567.625.841
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	83.275.232.684
22	7. Chi phí tài chính	25	16.606.360.941
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		16.604.647.081
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		45.924.071.556
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		76.312.426.028
31	11. Thu nhập khác		13.142.913.434
32	12. Chi phí khác		6.672.168.036
40	13. Lợi nhuận khác		6.470.745.398
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.783.171.426
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	6.850.755.506
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		75.932.415.920
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	2.812


Phùng Minh Bằng
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2012




Đặng Tiên Phong
Tổng Giám đốc